

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN TR**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66 /2018/DS-ST

Ngày: 28 -09 -2018

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng
góp hụi ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN TR**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tính.

2. Ông Đỗ Tấn Thọ..

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi, thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2018 về việc: “ Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Văn S, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Bình Đ, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

Bị đơn:

1/ Nguyễn Thị Loan T, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

2/ Nguyễn Hữu H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1 (Giồng Sầm), xã Bình Th, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 01 năm 2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Bà Loan T làm chủ hội, ông là hội viên nên có tham gia chơi các dây hội như sau:

* Ngày 20/4/2017 al, ông tham gia dây hội số tiền là 5.000.000 đồng, ông chơi 3 phần, hội có 22 thành viên. Dây này được mở mỗi tháng 2 lần vào ngày mùng 5 và 20.

Đến ngày mùng 5 tháng 7 năm 2017 al thì ông đã hốt một phần hội thứ nhất. Ngày 20 tháng 7 năm 2017 al ông tiếp tục hốt phần hội thứ hai. Hai phần hội hốt thì bà Loan T đã giao tiền hốt hội cho ông đầy đủ.

* Dây hội mở ngày 20/4/2016 al, hội 5 triệu đồng, hội có 22 thành viên, tháng được mở một lần vào ngày 20. Dây hội này ông tham gia một phần. Quá trình chơi hội ông đã đóng hội sống được tất cả là 16 lần tức đóng đến ngày 20/7/2017 al thì bà Loan T vỡ hội.

* Dây hội mở ngày 6/9/2016 al, hội 10.000.000 đồng, có 24 thành viên, hàng tháng hội được mở một lần, phần hội này do ông mua của thành viên chơi hội là Thúy Phượng H (khi người này không chơi nữa mới bán lại cho ông), khi bà Thúy Phượng H bán hội cho ông thì hội mở được 2 tháng tức ngày 06/10/2016 al nên ông đã đóng hội sống đầy đủ cho bà Loan T được 12 lần tức đến ngày mùng 6 tháng 7 năm 2017 al thì bà Loan T tuyên bố vỡ hội.

Sau khi tuyên bố vỡ hội tháng 7 năm 2017 al thì bà Loan T bỏ đi cho đến tháng 9 năm 2017 al thì bà trở về và ghi giấy đề kết nợ lại cho ông. Giấy nợ thể hiện nội dung là: Phần hội sống ở ba dây hội trên là 240.000.000 đồng, phần hội chết ông phải đóng cho bà Loan T là 140.000.000 đồng. Giấy này do chính tay bà Loan T viết và giao lại cho ông giữ.

Ông đồng ý trừ tiền hội chết ông còn thiếu lại bà Loan T là 140.000.000 đồng vào phần hội sống bà Loan T thiếu lại ông. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Loan T phải hoàn trả cho ông số tiền hội còn nợ là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn đề ngày 29/5/2018 ông Phạm Văn S đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Loan T trả số nợ 100.000.000 đồng cho ông.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Loan T, ông Nguyễn Hữu H nhưng ông, bà không đến Tòa án nên không thu thập được lời khai của ông, bà.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thực hiện tốt các nguyên tắc xét xử.

Nguyên đơn thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo luật định.

Bị đơn, vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên chưa thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các chứng cứ là 03 giấy giao kèo chơi hụi, lời khai của các thành viên chơi hụi phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Xét thấy giấy tay kết nợ theo kết luận giám định do chị Loan T viết ra. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S. Buộc bà Loan T phải có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền nợ hụi là 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị Loan T, Nguyễn Hữu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Loan T và ông H là đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, ông Phạm Văn S rút yêu cầu khởi kiện là không buộc ông Nguyễn Hữu H phải liên đới cùng bà Loan T trả nợ. Xét thấy: Việc rút đơn này là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu

cầu mà ông Phạm Văn S đã rút được quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét chứng cứ do ông S cung cấp là: Giấy kết nợ do chính chữ viết của bà Loan T viết ra và giao cho ông S giữ, giấy được viết vào tháng 9/2017 al. Giấy kết nợ thể hiện những nội dung như sau:

“ Cậu 6:

Hụi sống:

1 F 5 triệu (20 al) 16 lần = 80.000.000.

1 F 10 triệu (06 al) 12 lần = 120.000.000.

1 F 5 triệu (05/ 20 al) 8 lần = 40.000.000

Hụi chết:

2 F 5 triệu (05/20 al) còn 14 lần x 2 F = 28 lần x 5.000.000 = 140.000.000”.

Xét thấy: Tại kết luận giám định số 133/2018/GĐTL ngày 23/7/2018 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tr đã kết luận: “ Chữ viết trên tài liệu có nội dung bắt đầu bằng chữ: “ Cậu 6.....kết thúc bằng dãy số.....140.000.000” không đề ngày, tháng, năm (ký hiệu A) nêu tại mục II.1 so với chữ viết mang tên Nguyễn Thị Loan T trên tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra”. Căn cứ kết luận giám định có cơ sở xác định chứng cứ là “ giấy kết nợ hụi” giữa ông Phạm Văn S với bà Nguyễn Thị Loan T là có thật và do chính bà Nguyễn Thị Loan T viết giao ông Phạm Văn S giữ.

Qua xem xét giấy nợ kết hợp với lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa thì nội dung của giấy kết nợ phù hợp với các giấy chơi hụi cho nguyên đơn cung cấp (B1 4,5,6,7) về thời gian chơi hụi, số tiền chơi hụi, số lần hụi được mở, số lần mà nguyên đơn đã hốt hụi. Vì vậy, có căn cứ để kết luận:

- Phần tiền hụi sống bà Loan T còn nợ ông S là 240.000.000 đồng, tiền hụi chết ông S còn nợ bà Loan T là 140.000.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa ông Phạm Văn S tự nguyện khấu trừ tiền hụi chết mà ông còn nợ bà Loan T vào tiền hụi sống mà bà Loan T nợ ông. Xét thấy: Đây là quyền quyết định, định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S đòi bà Nguyễn Thị Loan T phải trả số tiền nợ hụi là 100.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Loan T phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn S số tiền nợ hụi là 100.000.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Biên bản quyết toán chi phí giám định ngày 16/8/2018 (bl 85) thì tổng số chi phí giám định là 1.350.000 đồng (Một triệu ba

trăm năm chục ngàn đồng) do ông S đã tạm ứng và đã quyết toán xong. Căn cứ Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Nguyễn Thị Loan T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm Văn S số tiền chi phí giám định là 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm chục ngàn đồng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Loan T phải có nghĩa vụ chịu án phí là: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, 161, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 471, 468 Bộ luật dân sự; Điều 29, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 Nghị định của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S đối với ông Nguyễn Hữu H. Về việc: “ Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S đối với bà Nguyễn Thị Loan T. Về việc : “ Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc bà Nguyễn Thị Loan T phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn S số tiền
hụi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Ghi nhận ông Phạm Văn S tự nguyện không yêu cầu bà Nguyễn Thị Loan T phải trả tiền lãi suất của số tiền trên.

4/ Buộc bà Nguyễn Thị Loan T phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn S số tiền chi phí tố tụng là 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm chục ngàn đồng).

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Loan T phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí.

Ông Phạm Văn S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014977 ngày 04 tháng 04 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Nguyễn Thị Loan T, Nguyễn Hữu H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tr
(Phòng KTNV& THA);
- VKSND huyện Bình Đ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

